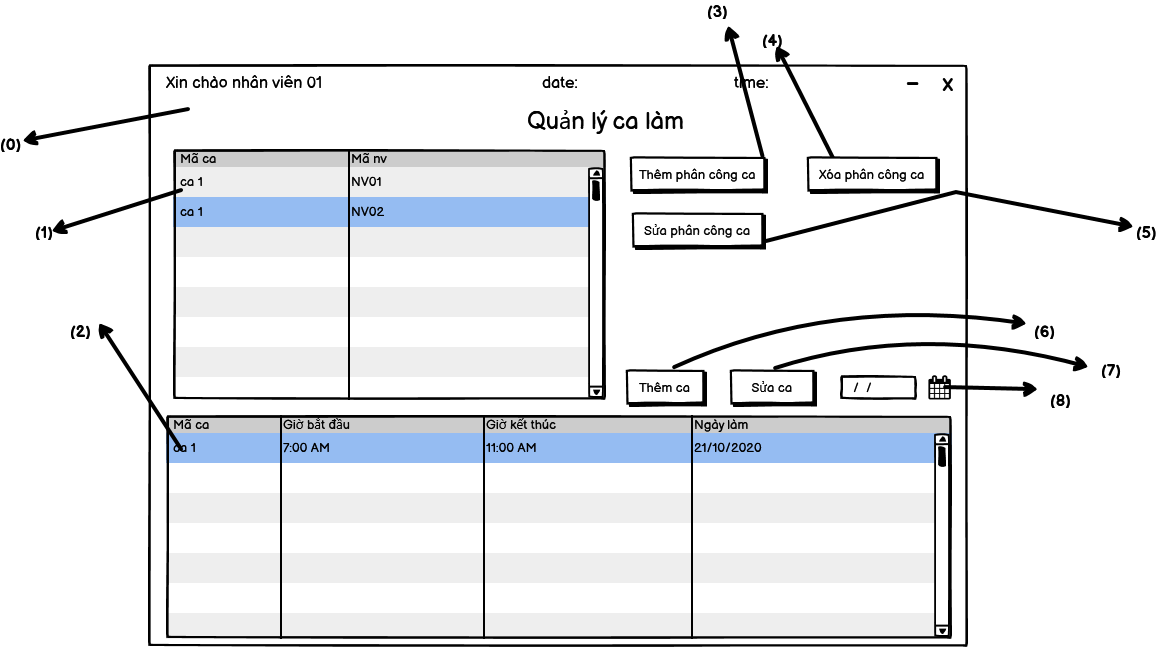
2. Giao diện quản lý ca làm nhân viên

a) Wireframe

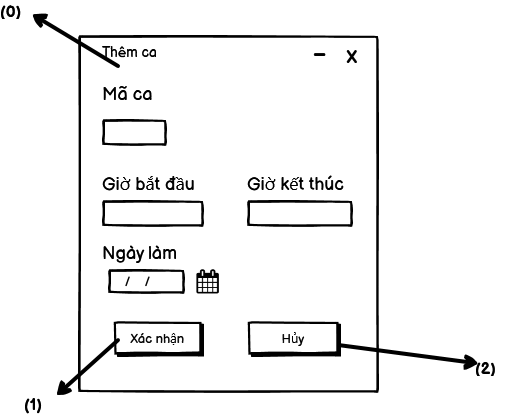


b) Danh sách biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Nạp dữ liệu vào bảng  Hiển thị các bảng,nút |  |
| 1 | Click chọn 1 dòng trong bảng phân công ca | xác định phân công ca đang được chọn |  |
| 2 | Click chọn 1 dòng trong bảng ca | xác định phân ca đang được chọn |  |
| 3 | Click vào nút thêm phân công ca | Xuất hiện giao diện phân công ca |  |
| 4 | Click vào nút xóa phân công ca | Xóa phân công ca đang được chọn |  |
| 5 | Click vào nút sửa phân công ca | Sửa phân công ca đang được chọn |  |
| 6 | Click vào thêm ca | Xuất hiện giao diện thêm ca |  |
| 7 | Click vào nút sửa ca | Sửa ca đang được chọn |  |
| 8 | Click chọn ngày | Cập nhật lại danh sách ca theo ngày được chọn | Lưu ý chọn ngày trong khoảng thời gian phù hợp để cho ra kết quả lọc như mong muốn |

2.1 Giao diện thêm ca làm nhân viên

a) Wireframe

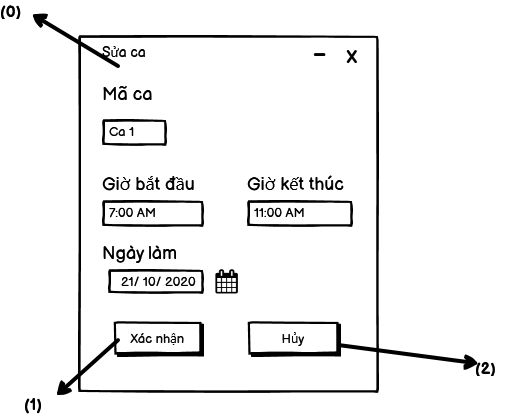


b) Danh sách biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Load giao diện  Hiển thị các bảng,nút |  |
| 1 | Click nút xác nhận | Thêm ca mới vào cơ sở dữ liệu từ thông tin đã điền | Các input phải được nhập đầy đủ và hợp lệ |
| 2 | Click nút hủy | Hủy thông tin đã điền và đóng giao diện thêm ca |  |

  2.2 Giao diện sửa ca làm nhân viên

a) Wireframe

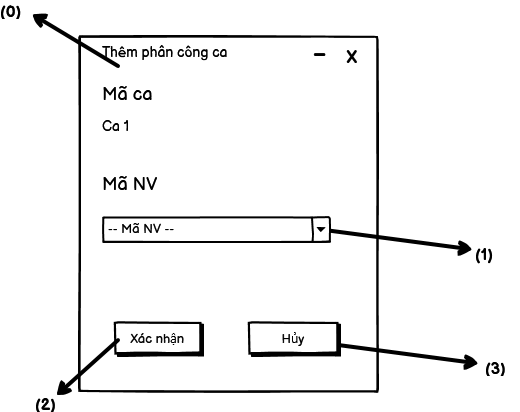


b) Danh sách biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Load giao diện  Truy xuất dữ liệu từ ca đã chọn  Hiển thị các bảng,nút |  |
| 1 | Click nút xác nhận | sửa thông tin ca vào cơ sở dữ liệu từ thông tin đã điền | Các input phải được nhập đầy đủ và hợp lệ |
| 2 | Click nút hủy | Hủy thông tin đã điền và đóng giao diện sửa ca |  |

 2.3 Giao diện thêm phân công ca

a) Wireframe

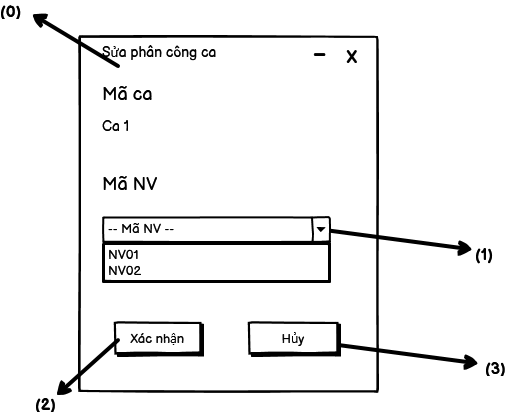


b) Danh sách biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Load giao diện  Hiển thị các bảng,nút |  |
| 1 | Click vào combobox mã nv | Xuất hiện danh sách nhân viên có thể phân công | Chỉ được chọn những lựa chọn có sẵn trong combobox |
| 2 | Click nút xác nhận | thêm phân công ca vào cơ sở dữ liệu từ thông tin đã điền | Các input phải được nhập đầy đủ và hợp lệ |
| 3 | Click nút hủy | Hủy thông tin đã điền và đóng giao diện thêm phân công ca |  |

2.4 Giao diện sửa phân công ca

a) Wireframe

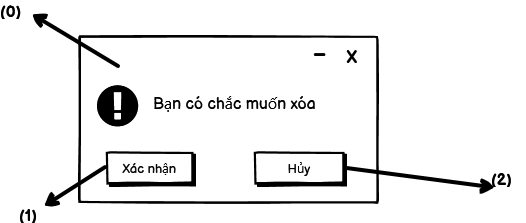


b) Danh sách biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Load giao diện  Truy xuất dữ liệu phân công ca đang được chọn  Hiển thị các bảng,nút |  |
| 1 | Click vào combobox mã nv | Truy xuất cơ sử dữ liệu  Xuất hiện danh sách nhân viên có thể phân công | Chỉ được chọn những lựa chọn có sẵn trong combobox |
| 2 | Click nút xác nhận | sửa phân công ca vào cơ sở dữ liệu từ thông tin đã điền | Các input phải được nhập đầy đủ và hợp lệ |
| 3 | Click nút hủy | Hủy thông tin đã điền và đóng giao diện sửa phân công ca |  |

2.5 Giao diện xóa phân công ca

a) Wireframe

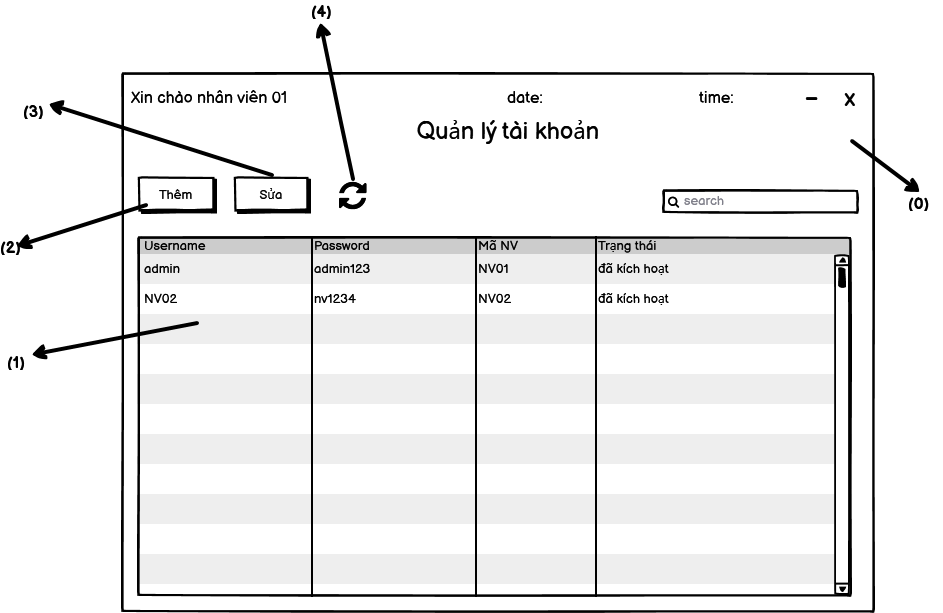


b) Danh sách biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Load giao diện  Truy xuất dữ liệu phân công ca đang được chọn  Hiển thị thông báo,nút |  |
| 1 | Click nút xác nhận | Xóa phân công ca khỏi cơ sở dữ liệu | Cần cân nhắc trước khi xác nhận xóa |
| 2 | Click nút hủy | Hủy thao tác xóa và đóng giao diện xác nhận xóa |  |

3. Giao diện cấp tài khoản nhân viên

a) Wireframe

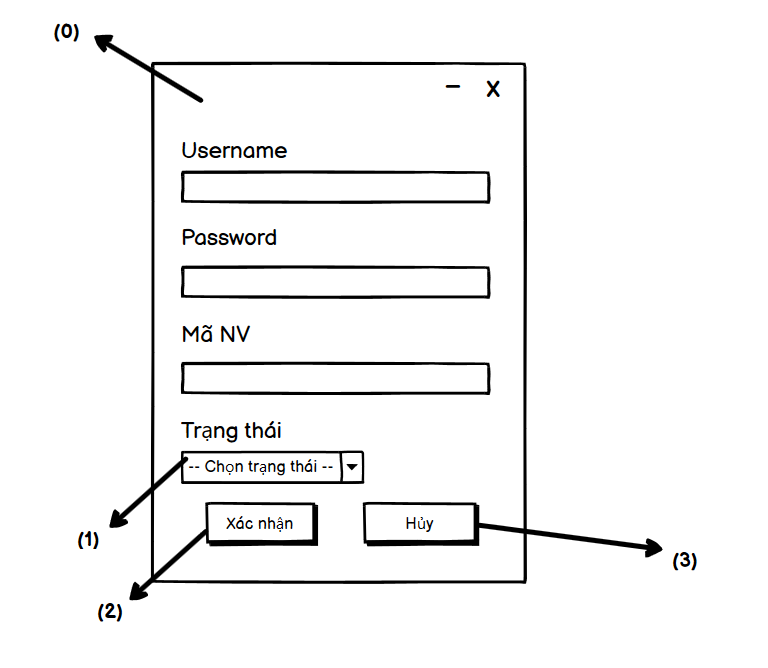


b) Danh sách biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Load giao diện  Truy xuất cơ sở dữ liệu |  |
| 1 | Click chọn 1 dòng trong bảng tài khoản | xác định tài khoản đang được chọn |  |
| 2 | Click nút thêm | Hiển thị giao diện thêm tài khoản |  |
| 3 | Click vào nút sửa | Hiển thị giao diện sửa tài khoản |  |
| 4 | Click vào nút refresh | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Cập nhật lại danh sách tài khoản |  |

3.1 Giao diện thêm tài khoản nhân viên

a) Wireframe

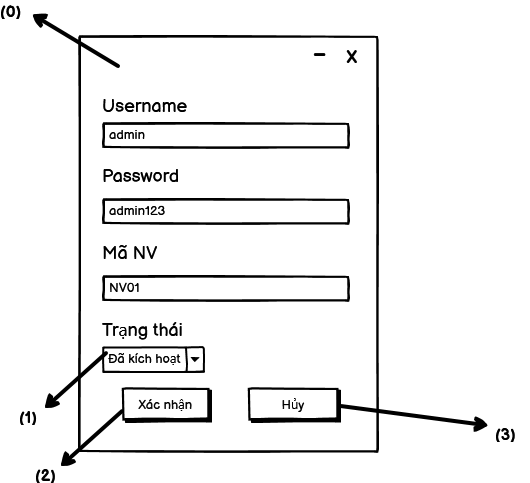


b) Danh sách biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Load giao diện |  |
| 1 | Click chọn combobox trạng thái | Xuất hiện các trạng thái có thể chọn | Chỉ được chọn những lựa chọn có sẵn trong combobox |
| 2 | Click nút xác nhận | Thêm tài khoản vào cơ sở dữ liệu | Các input phải được nhập đầy đủ và hợp lệ |
| 3 | Click nút hủy | hủy thao tác thêm và đóng giao diện thêm tài khoản |  |

3.2 Giao diện sửa tài khoản

a) Wireframe

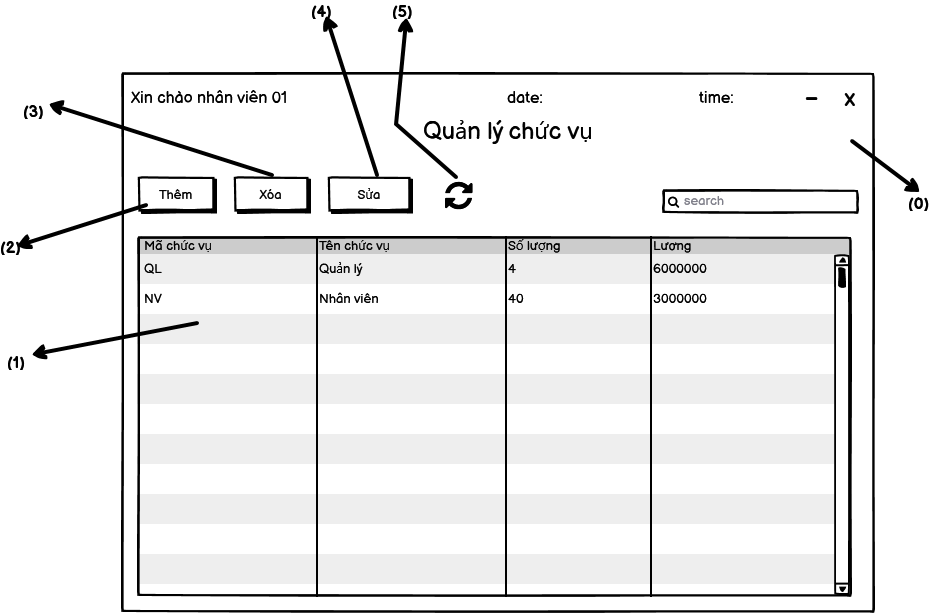


b) Danh sách biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Load giao diện |  |
| 1 | Click chọn combobox trạng thái | Xuất hiện các trạng thái có thể chọn | Chỉ được chọn những lựa chọn có sẵn trong combobox (phải có ít nhất 1 tài khoản ở trạng thái đã kích hoạ)t |
| 2 | Click nút xác nhận | cập nhật thông tin tài khoản vào cơ sở dữ liệu | Các input phải được nhập đầy đủ và hợp lệ |
| 3 | Click nút hủy | hủy thao tác sửa và đóng giao diện sửa tài khoản |  |

4. Giao diện quản lý chức vụ

a) Wireframe

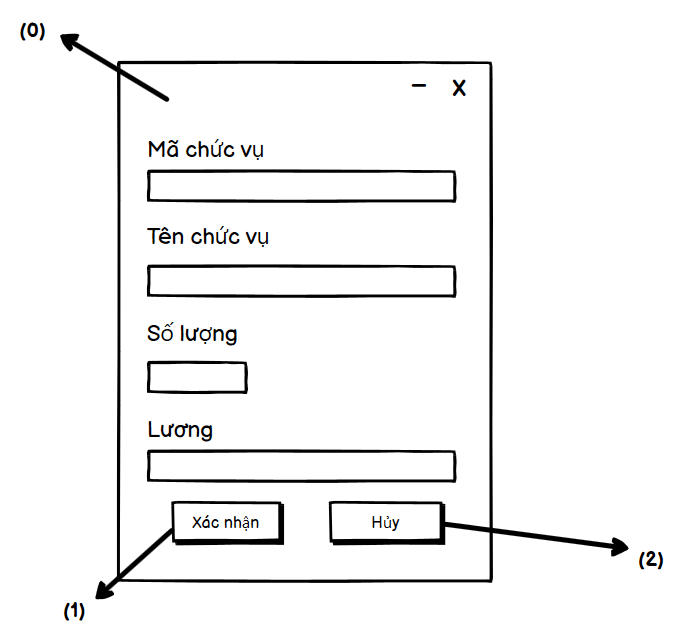


b) Danh sách biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Load giao diện |  |
| 1 | Click chọn 1 dòng trong bảng chức vụ | Xác định chức vụ đang được chọn |  |
| 2 | Click vào nút thêm | Load giao diện thêm chức vụ |  |
| 3 | Click vào nút xóa | Xuất hiện thông báo xác nhận xóa |  |
| 4 | Click vào nút sửa | Load giao diện sửa chức vụ |  |
| 5 | Click vào nút refresh | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Cập nhật lại bảng chức vụ |  |

4.1 Giao diện thêm chức vụ

a) Wireframe

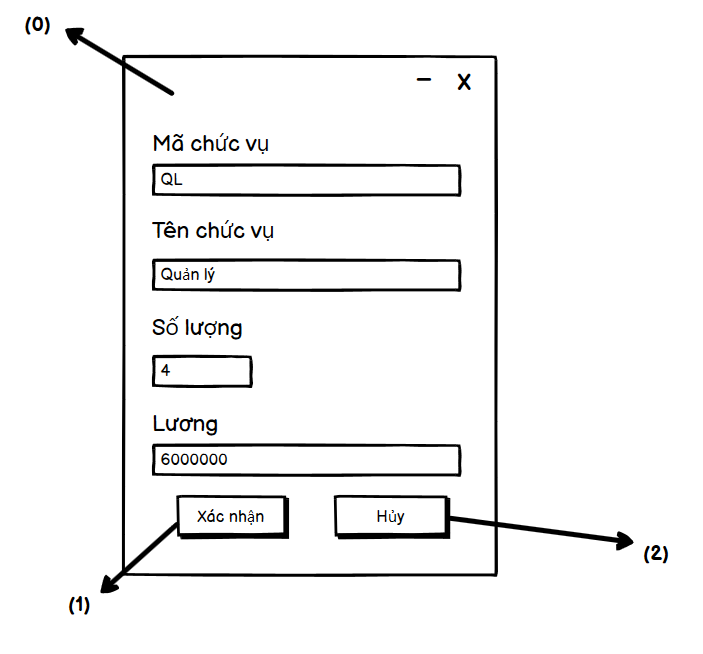


b) Danh sách biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Load giao diện |  |
| 1 | Click nút xác nhận | Thêm chức vụ vào cơ sở dữ liệu | Các input phải được nhập đầy đủ và hợp lệ |
| 2 | Click nút hủy | Hủy thao tác sửa và đóng giao diện sửa chức vụ |  |

4.2 Giao diện sửa chức vụ

a) Wireframe

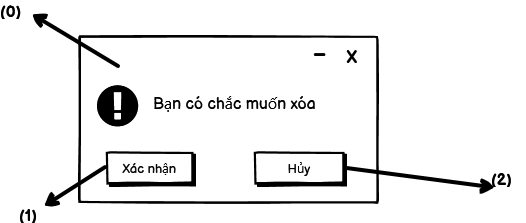


b) Danh sách biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Load giao diện  Truy xuất thông tin chức vụ đã chọn |  |
| 1 | Click nút xác nhận | Sửa thông tin chức vụ vào cơ sở dữ liệu | Các input phải được nhập đầy đủ và hợp lệ |
| 2 | Click nút hủy | Hủy thao tác thêm và đóng giao diện thêm chức vụ |  |

4.3 Giao diện xóa chức vụ

a) Wireframe

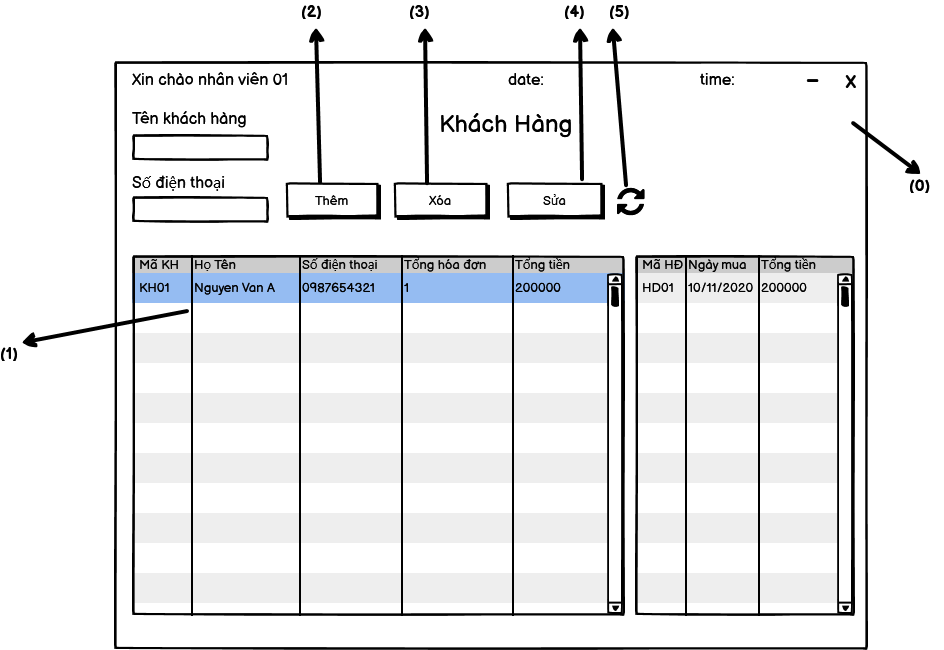


b) Danh sách biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Load giao diện  Truy xuất dữ liệu chức vụ đang được chọn  Hiển thị thông báo, nút |  |
| 1 | Click nút xác nhận | Xóa chức vụ khỏi cơ sở dữ liệu | Cân cân nhắc trước khi xóa |
| 2 | Click nút hủy | Hủy thao tác xóa và đóng giao diện xác nhận xóa |  |

5. Giao diện tiếp nhận khách hàng

a) Wireframe

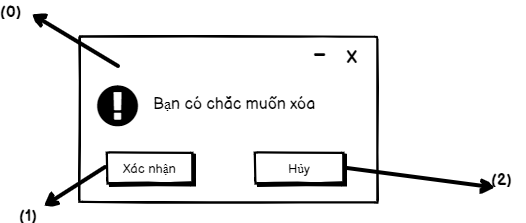


b) Danh sách biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Hiển thị các thành phần trên màn hình |  |
| 1 | Click chọn 1 dòng trong bảng khách hàng | Xác định khách hàng đang được chọn và nạp thông tin các hóa đơn của khách hàng đó lên bảng hóa đơn - khách hàng |  |
| 2 | Click vào nút thêm | Thêm thông tin khách hàng theo thông tin đã điền vào cơ sở dữ liệu |  |
| 3 | Click vào nút xóa | Xóa thông tin khách hàng khỏi cơ sở dữ liệu |  |
| 4 | Click vào nút sửa | Nạp thông tin khách hàng được chọn vào textfield  Sửa thông tin khách hàng theo thông tin đã điền vào cơ sở dữ liệu |  |
| 5 | Click vào nút refresh | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Cập nhật lại danh sách khách hàng |  |

5.1 Giao diện xóa khách hàng

Wireframe

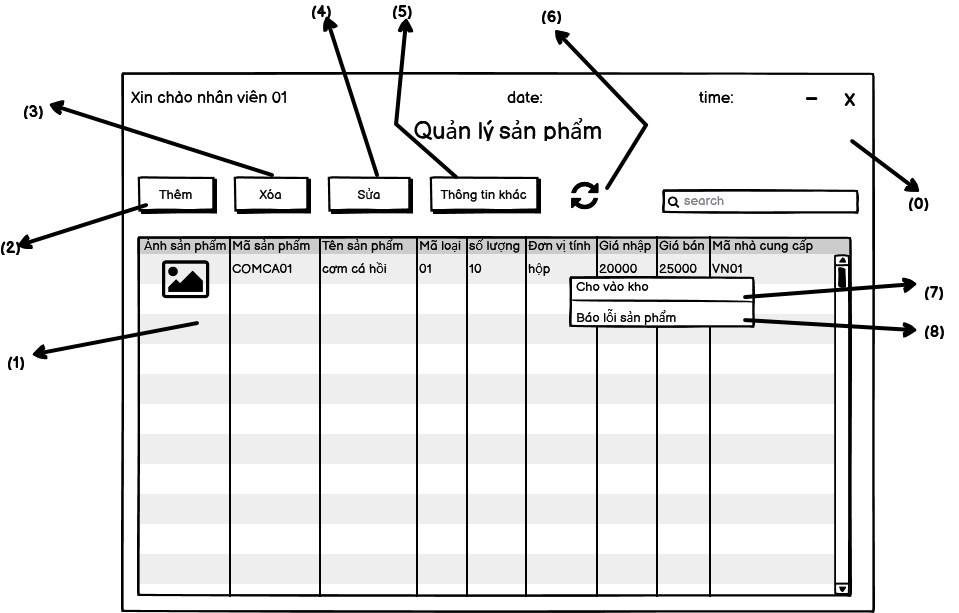


    b)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Hiển thị các thành phần trên màn hình |  |
| 1 | Click vào nút xác nhận | Xóa khách hàng được chọn ra khỏi cơ sở dữ liệu và xuất thông báo xóa thành công | Cần cân nhắc trước khi xóa |
| 2 | Click vào nút hủy | Hủy xóa khách hàng và đóng giao diện xóa khách hàng |  |

7. Giao diện quản lý sản phẩm

a) Wireframe

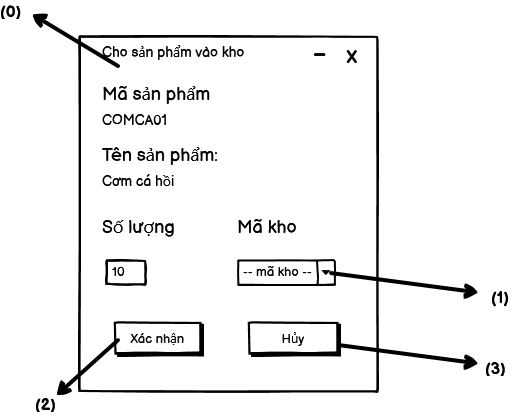


b) Danh sách biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Hiển thị các thành phần trên màn hình |  |
| 1 | Click vào 1 dòng trong bảng sản phẩm | Xác định sản phẩm đang được chọn |  |
| 2 | Click vào nút thêm | Load giao diện thêm sản phẩm |  |
| 3 | Click vào nút xóa | Cập nhật thông tin thay đổi |  |
| 4 | Click vào nút sửa | Truy xuất cơ sở dữ liệu thông tin sản phẩm hiện tại  Load giao diện sửa sản phẩm |  |
| 5 | Click vào nút thông tin khác | Load giao diện thông tin khác |  |
| 6 | Click vào nút refresh | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Cập nhật lại danh sách sản phẩm |  |
| 7 | Click chuột phải vào sản phẩm và chọn cho vào kho | Load giao diện cho sản phẩm vào kho |  |
| 8 | Click chuột phải vào sản phẩm và chọn báo lỗi sản phẩm | Load giao diện báo lỗi sản phẩm |  |

7.5 Giao diện cho sản phẩm vào kho

a) Wireframe

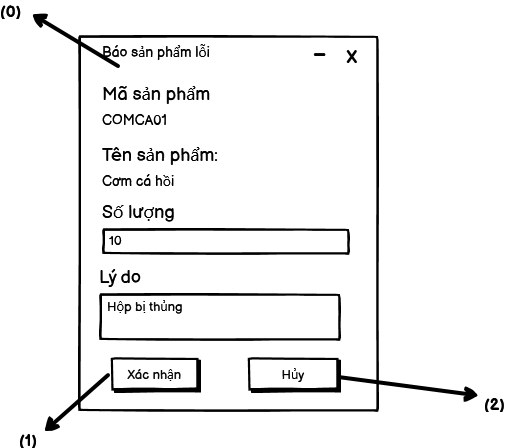


b) Danh sách biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Hiển thị các thành phần trên màn hình |  |
| 1 | Click vào combobox mã kho | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Hiển thị danh sách kho hiện có | Chỉ được chọn các kho hiện có |
| 2 | Click vào nút xác nhận | Nạp thông tin đã điền vào cơ sở dữ liệu  Thông báo thành công | Các input phải được nhập đầy đủ và hợp lệ |
| 3 | Click vào nút hủy | Hủy thông tin nhập và đóng giao diện cho sản phẩm vào kho |  |

7.6 Giao diện báo lỗi sản phẩm

a) Wireframe

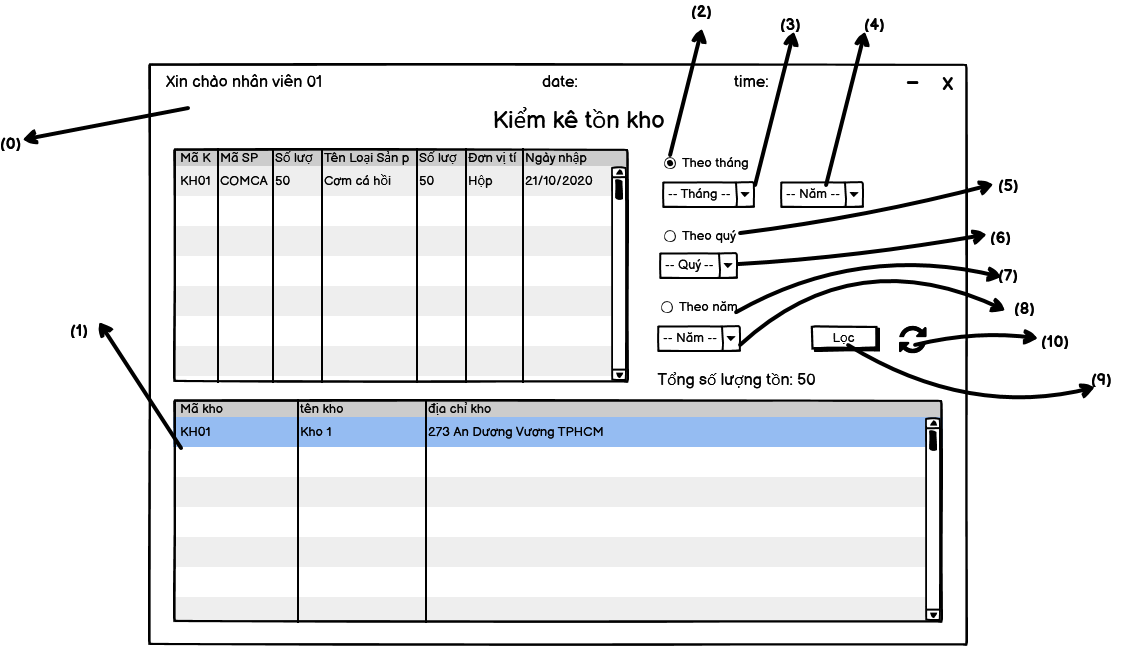


b) Danh sách biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Hiển thị các thành phần trên màn hình |  |
| 1 | Click vào nút xác nhận | Nạp thông tin đã điền vào cơ sở dữ liệu  Thông báo thành công | Các input phải được nhập đầy đủ và hợp lệ |
| 2 | Click vào nút hủy | Hủy thông tin nhập và đóng giao diện cho sản phẩm vào kho |  |

12. Giao diện kiểm kê hàng tồn kho

a) Wireframe

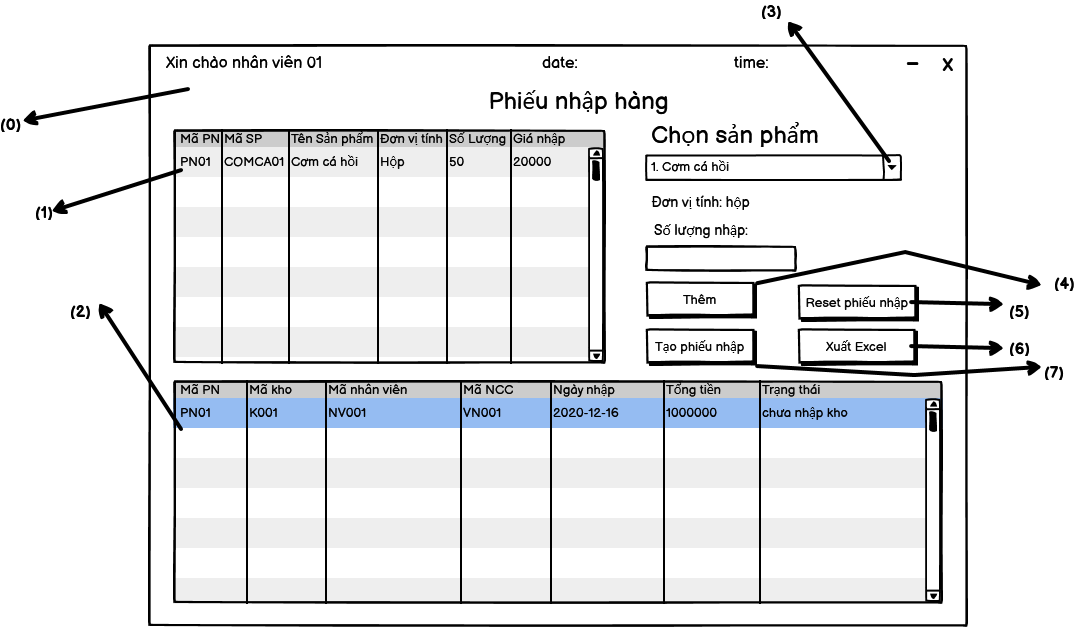


b) Danh sách các biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Hiển thị các thành phần trên màn hình |  |
| 1 | Click vào 1 dòng trong bảng kho | Xác định kho được chọn và nạp dữ liệu chi tiết kho lên bảng chi tiết kho |  |
| 2 | Click vào radio button ‘’theo tháng’’ | Enable 2 combobox tháng và năm |  |
| 3 | Click vào combobox tháng của phần ‘’theo tháng’’ | xuất hiện danh sách tháng trong năm |  |
| 4 | Click vào combobox năm của phần ‘’theo tháng’’ | xuất hiện danh sách các năm |  |
| 5 | Click vào radio button ‘’theo quý’ | Enable  combobox quý |  |
| 6 | Click vào combobox quý của phần ‘’theo quý’’ | Xuất hiện danh sách các quý |  |
| 7 | Click vào radio button ‘’theo năm’ | Enable  combobox năm |  |
| 8 | Click vào combobox năm của phần ‘’theo năm’’ | Xuất hiện danh sách các năm |  |
| 9 | Click vào nút lọc | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Lọc ra các sản phẩm tồn trong kho theo khoảng thời gian đã chọn |  |
| 10 | Click vào nút refresh | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Cập nhật lại danh sách |  |

13. Giao diện quản lý nhập hàng

a) Wireframe

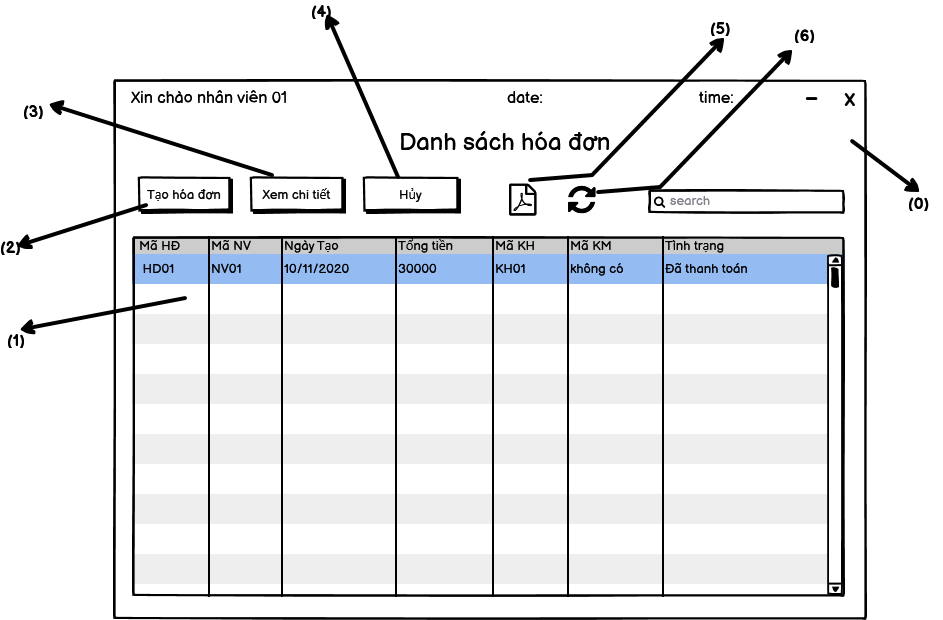


b) Danh sách các biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý |  |
| 0 | Khởi động màn hình | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Hiển thị các thành phần trên màn hình |  |
| 1 | Click vào 1 dòng trong bảng chi tiết phiếu nhập | Xác định chi tiết phiếu nhập đang được chọn |  |
| 2 | Click vào 1 dòng trong danh sách phiếu nhập | Xác định phiếu nhập đang được chọn |  |
| 3 | Click vào combobox chọn sản phẩm | Truy xuất cơ sở dữ liệu  nạp vào combobox danh sách các sản phẩm có thể nhập | Chỉ được chọn những sản phẩm hiện có |
| 4 | Click vào nút thêm’ | Thêm thông tin sản phẩm đã nhập vào chi tiết phiếu nhập |  |
| 5 | Click vào nút reset phiếu nhập | Xóa tất cả sản phẩm trong phiếu nhập hiện đang tạo |  |
| 6 | Click vào nút xuất Excel | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Hiển thị explorer chọn nơi lưu  Lưu danh sách phiếu nhập thành file Excel |  |
| 7 | Click vào nút tạo phiếu nhập | Tạo phiếu nhập với chi tiết phiếu nhập đã thêm  Nạp phiếu nhập vào cơ sở dữ liệu |  |

15. Giao diện quản lý hóa đơn

a) Wireframe

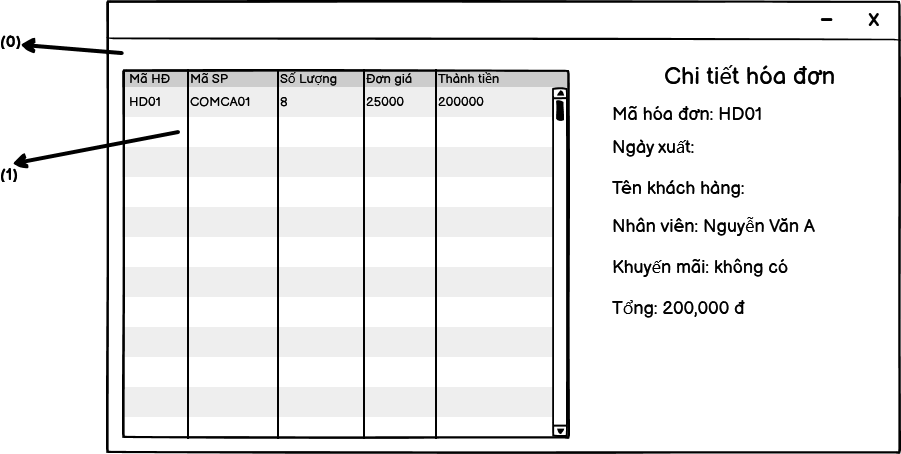


b) Danh sách các biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Hiển thị các thành phần trên màn hình |  |
| 1 | Click vào 1 dòng trong bảng hóa đơn | Xác định hóa đơn đang được chọn |  |
| 2 | Click vào nút tạo hóa đơn | Load giao diện tạo hóa đơn |  |
| 3 | Click vào nút xem chi tiết | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Load giao diện chi tiết hóa đơn đang chọn |  |
| 4 | Click vào nút hủy | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Điều chỉnh trạng thái hóa đơn hiện tại thành ‘’ hủy ‘’ và cập nhật vào cơ sở dữ liệu |  |
| 5 | Click vào icon in PDF | Lấy dữ liệu từ bộ nhớ tạm của hóa đơn hiện tại và xuất thành file PDF |  |
| 6 | Click vào nút refresh | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Cập nhật lại danh sách hóa đơn |  |

15.2 Giao diện chi tiết hóa đơn

a) Wireframe

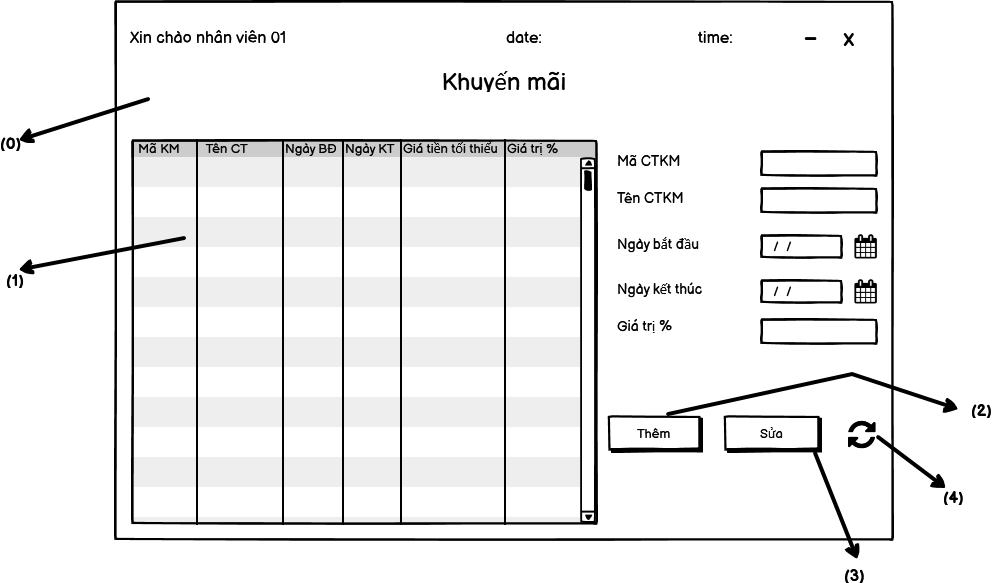


b) Danh sách các biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Hiển thị các thành phần trên màn hình |  |
| 1 | Click vào 1 dòng trong bảng chi tiết phiếu nhập | Xác định sản phẩm đang được chọn |  |

16. Giao diện tổ chức khuyến mãi

a) Wireframe



b) Danh sách các biến cố

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Điều kiện kích hoạt | Xử lý | Ghi chú |
| 0 | Khởi động màn hình | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Hiển thị các thành phần trên màn hình |  |
| 1 | Click vào 1 dòng trong bảng danh sách khuyến mãi | Xác định chương trình khuyến mãi đang được chọn |  |
| 2 | Click vào nút thêm | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Thêm thông tin đã điền vào cơ sở dữ liệu và xóa các field |  |
| 3 | Click vào nút sửa | Truy xuất cơ sở dữ liệu  Sửa chương trình khuyến mãi đang được chọn |  |
| 4 | Click vào nút refresh | Cập nhật lại danh sách chương trình khuyến mãi |  |